

Số: 1843 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thực hiện các đề tài NCKH sinh viên thường niên
trong năm học 2023-2024 do Trường hỗ trợ kinh phí

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Chương V "Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên" quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 1171/QĐ-MĐC, ngày 12/11/2020;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành Quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông báo số 546/TB-MĐC ngày 05/10/2023 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc triển khai thực hiện Nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2023-2024 (Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 37);

Theo đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Trưởng các Khoa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép 240 đề tài NCKH sinh viên (có danh mục kèm theo) được thực hiện trong kế hoạch năm học 2023-2024. Kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện mỗi đề tài là **2.600.000đ** (bằng chữ: Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) trong đó **2.000.000đ** dành cho sinh viên thực hiện nghiên cứu và **600.000đ** dành cho giáo viên hướng dẫn. Các đề tài được tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy chế hiện hành.

Điều 2. Kinh phí thực hiện cho 240 đề tài trên được trích từ nguồn thu dịch vụ khác năm 2023 của Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Khoa, Bộ môn, phòng Khoa học Công nghệ và phòng Kế hoạch Tài chính, các sinh viên, cán bộ hướng dẫn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PHT (để phối hợp chỉ đạo);
- HUMG e-OFFICE;
- Đoàn TNCS HCM Trường;
- Lưu: HCTH, KHTC, CTCT-SV, KHCN.



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI NCKH SINH VIÊN THƯỜNG NIÊN THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC 2023-2024

(theo Quyết định số 1843 /QĐ-MĐC ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất)

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
1	Ứng dụng học máy trong phát hiện giao dịch thẻ tín dụng gian lận	Vũ Đình Hoàng	2121050409	Công nghệ thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	Lê Văn Hưng
		Nguyễn Ngọc Minh	2121050595	Công nghệ thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	
2	Ứng dụng học máy trong dự đoán khả năng trả nợ tín dụng mua nhà	Bùi Văn Duy	2121050270	Công nghệ thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	Lê Văn Hưng
		Chu Tiến Sơn	2121051534	Công nghệ thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	
3	Xây dựng mạng xã hội học tập cho sinh viên	Hoàng Công Thuận	2021050033	Mạng máy tính K65A (DCCTMM 65A)	Nguyễn Thế Lộc
		Đinh Văn Hưng	2121050136	Công nghệ phần mềm K66A (DCCTPM 66A)	
		Bùi Thị Minh Hà	2021050225	Công nghệ Phần mềm K65C (DCCTPM 65C)	
		Trương Thị Hoài Thương	2021050024	Công nghệ phần mềm K65B (DCCTPM 65B)	
		Phạm Trung Hải	2121051206	Công nghệ thông tin K66B (DCCTCT K66 06B)	
4	Xây dựng phần mềm một cửa với quy trình Workflow	Nguyễn Việt An	2121050446	Công nghệ Thông tin Chất lượng cao K66 (DCCTCLC66A1)	Nguyễn Thế Lộc
		Hoàng Văn Toàn	2121050242	Công nghệ Phần mềm K66D (DCCTPM 66D)	
		Nguyễn Quang Thành	2121050245	Công nghệ Phần mềm K66B (DCCTPM 66B)	
		Nguyễn Xuân Khánh	2121050243	Công nghệ Phần mềm K66A (DCCTPM 66A)	
		Phạm Tiến Dũng	2121060431	Công nghệ Phần mềm K66B (DCCTPM 66B)	
5	Nghiên cứu mô hình phân tích ngôn ngữ của người khiếm thính	Trương Công Chương	2221050390	Công nghệ thông tin CLC K67B (DCCTCLC67B)	Nguyễn Hoàng Long
		Vũ Văn Tinh	2221050517	Công nghệ thông tin CLC K67B (DCCTCLC67B)	
		Nguyễn Văn Trường	2221050621	Công nghệ thông tin CLC K67A (DCCTCLC67A)	
		Nguyễn Tùng Khánh	22210507235	Công nghệ thông tin CLC K67B (DCCTCLC67B)	

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
101	Đặc điểm địa chất - quặng hóa và nhận định kiểu mô nguồn gốc điểm quặng vàng Làng Đầu, Yên Thồ, Cao Bằng	Mai Thị Nhung	2021020011	Kỹ thuật địa chất K65 (DCDCDC65)	Lê Xuân Trường
		SONEPHANTHANATH Nongkhamphanh	2021020001L	Kỹ thuật địa chất K65 (DCDCDC65)	
		Đoàn Tùng Lâm	2021020115	Kỹ thuật địa chất K65 (DCDCDC65)	
102	Đặc điểm quặng hóa đồng khu vực Làng Lân xã Giáo Liêm huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang	Đoàn Mạnh Cường	2121020028	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	Lê Thị Thu
		Phạm Minh Đức	2121020055	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
		Lê Võ Trường Huy	2221020050	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	
103	Nghiên cứu xác định tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm quặng Molipden khu vực Sa Pa, Lào Cai.	Nguyễn Văn Trường	2221020068	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	Nguyễn Duy Hưng
		Lương Thị Như Quỳnh	2221020101	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	
		Nguyễn Hải Linh	2221020020	Kỹ thuật địa chất K67 (DCDCDC67)	
104	Đặc điểm thành phần vật chất một số thể đá mafic khu vực Sông Mã, Sơn La.	Vũ Minh Khánh	2121020087	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	Nguyễn Khắc Du
		Lê Đình Khánh	2121020089	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
		Trịnh Trung Sơn	2121020021	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
105	Đặc điểm địa chất và phân bố quặng thiếc khu vực Suối Mai, Quỳnh Hợp, Nghệ An	Nguyễn Đức Chiến	2121020011	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	Phan Viết Sơn
		Phùng Thị Thu Hằng	2121020069	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
		Nguyễn Tuấn Tú	2121020092	Kỹ thuật địa chất K66 (DCDCDC66)	
106	Nghiên cứu sự suy giảm độ bền của đất phong hóa hệ tầng Long Đại ở khu vực Quảng Bình và ảnh hưởng đến hệ số ổn định mái dốc	Nguyễn Ngọc Thịnh	2121020036	Địa Kỹ thuật Xây dựng K67 (DCDCDKT67)	Bùi Trường Sơn
		Nguyễn Hoàng Đức Anh	2121020015		
		Lê Quang Tấn	2121020034		
107	Nghiên cứu khả năng sử dụng tro bã mía thay thế xi măng làm vữa xây các công trình trường học vùng cao	Nguyễn Đức Tân Thiều Quang Hùng Hoàng Văn Thịnh Lý Duy Nam	2121020043 2121060643 2121020062 2121020019	Địa Kỹ thuật Xây dựng K66 (DCDCDKT66)	Nguyễn Thị Nụ
108	Đặc điểm sức kháng cắt của đất trong điều kiện tự nhiên và bão hòa	Phí Mạnh Duy Trần Trung Kiên Trịnh Văn Linh Phạm Thành Long Lại Thành Luân	2221020014 2221020138 2221020065 2221020007 2221020089	Địa Kỹ thuật Xây dựng K67 (DCDCDKT67)	Phạm Thị Việt Nga

STT	Tên đề tài	Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Lớp	Cán bộ hướng dẫn
238	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật phù hợp trong xây dựng bãi đỗ xe ngầm khu vực Ga Hà Nội	Dương Quốc Đạt	2221070066	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	Đặng Văn Kiên
		Trần Quốc Trọng	2221070216		
		Dương Thị Thảo	2221070146	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	
239	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của công trình bề mặt đến độ ổn định của vỏ chống hầm metro tiết diện chữ nhật cong	Nguyễn Thiện Tiến	2221070203	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	Đặng Văn Kiên
		Nguyễn Huy Thành	2221070194		
		Nguyễn Trung Kiên	2221070200	Xây dựng CTN PT và Hệ thống TDN K67 (DCXDTDN67)	
240	Nghiên cứu một số giải pháp gia cường kết cấu công trình bê tông cốt thép cũ	Lê Hồng Sơn	2221070217	Quản lý xây dựng K67C (DCXDQL67C)	Phạm Đức Thọ
		Phạm Thế Vũ	2221070209	Quản lý xây dựng K67B (DCXDQL67B)	
		Nguyễn Lương Hoàng Hải	2221070106	Quản lý xây dựng K67C (DCXDQL67C)	
		Đào Văn Hiếu	2121070056	Xây dựng HTCS K66	
		Phạm Quang Đạo	2221070196	Quản lý xây dựng K67C (DCXDQL67A)	

Tổng số đề tài: 240